

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2022

“V/v ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Thị Hoa

Bà Phạm Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 về "ly hôn, nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị H**, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Phạm Hoàng S**, sinh năm 1989

HKTT: ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Q, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C**

Địa chỉ: L, phường H1, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông **Trần Văn U** - chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Hoàng S tự tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân xã V cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2013. Quá trình chung sống, vợ chồng không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau, không tìm được tiếng nói chung, chị và anh S đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn với anh S để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh S có 02 người con chung là Phạm Dương Diễm M, sinh ngày 06/6/2014 và Phạm Dương Xuân M1, sinh ngày 19/8/2017, chị đang nuôi dưỡng và cháu M có nguyện vọng sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: có 01 chiếc xe gắn máy hiệu Sirius, anh S đứng tên và đang sử dụng, chị không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Hoàng S vắng mặt, không có lời trình bày.

* Người đại diện hợp pháp của ngân hàng C trình bày: Hộ gia đình anh Phạm Hoàng S (gồm anh S và vợ là Dương Thị H) có vay của Ngân hàng C - chi nhánh tỉnh Kiên Giang - phòng giao dịch huyện A tổng số tiền là 42.000.000đồng, bao gồm: ngày 29/9/2016 vay cho mục đích sử dụng nước sạch là 12.000.000đồng; ngày 28/3/2017 vay hộ nghèo 10.000.000đồng; ngày 06/11/2019 vay giải quyết việc làm 20.000.000đồng. Việc ngân hàng cho vợ chồng anh S, chị H vay là theo chương trình hỗ trợ người dân sử dụng nước sạch, hộ nghèo, giải quyết việc làm. Hiện nay chị H đã trả hết nợ cho ngân hàng nên ngân hàng không có yêu cầu gì và xin được vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh S, yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn anh S vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị H, giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh S vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh S vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh S.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị H và anh S chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2013 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Nguyên nhân dẫn đến ly hôn, chị H cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau, không tìm được tiếng nói chung, chị và anh S đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ tháng 4/2020 đến nay. Còn anh S vắng mặt, không có ý kiến, không tham gia các phiên họp và phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau chị H và anh S có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nhưng không khắc phục được.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S không đảm bảo theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng,

Hội đồng xét xử có căn cứ để cho rằng hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, anh chị đã sống ly thân thời gian dài nhưng không khắc phục được mâu thuẫn để vợ chồng tiếp tục chung sống nên không có khả năng đoàn tụ. Do đó, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh S.

[4] Về con chung, chị H và anh S có 02 người con chung tên Phạm Dương Diễm M, sinh ngày 06/6/2014 và Phạm Dương Xuân M1, sinh ngày 19/8/2017, chị H đang nuôi dưỡng và cháu M có nguyện vọng sống với chị H. Khi ly hôn chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con. Xét thấy, chị H có đủ điều kiện nuôi con, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị H được tiếp tục nuôi dưỡng con. Anh S có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị H vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết; về tài sản chung: có 01 chiếc xe gắn máy hiệu Sirius, anh S đứng tên và đang sử dụng, chị không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tòa án đã ra Thông báo số 01/TB-TA ngày 10/02/2022, yêu cầu anh S cung cấp chứng cứ và thực hiện quyền yêu cầu phản tố trong vụ án (nếu có) nhưng anh S không có ý kiến phản hồi. Đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, không có ai phát sinh tranh chấp, không yêu cầu về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H được ly hôn với anh Phạm Hoàng S.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Phạm Dương Diễm M, sinh ngày 06/6/2014 và Phạm Dương Xuân M1, sinh ngày 19/8/2017 cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh S có quyền, nghĩa vụ tới lui thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Trường hợp chị H vi phạm nghĩa vụ nuôi con hoặc không còn đủ điều kiện nuôi con thì anh S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.
Về tài sản chung: Không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu án phí xin ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0005022 ngày 19/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh